

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngàytháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban..... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào

tao công lập khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo công lập khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục.

Điều 3. Mức thu học phí

1. Mức học phí năm học 2023 - 2024 đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau:

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo
Mầm non	300.000	100.000	50.000
Tiểu học	300.000	100.000	50.000
THCS	300.000	100.000	50.000
THPT	300.000	200.000	100.000

2. Từ năm học 2024 - 2025 trở đi, mức thu học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh, tốc độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5% mỗi năm.

3. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, mức học phí tối đa bằng 2 lần mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, mức học phí tối đa bằng 2,5 lần mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Cơ sở giáo dục thường xuyên áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp trên địa bàn.

6. Học sinh tiểu học công lập không phải đóng học phí, mức học phí đối với giáo dục tiểu học quy định tại khoản 1 Điều này dùng làm căn cứ để xem xét ban hành chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc diện được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

7. Học phí được thu tối đa 09 tháng/năm học. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời điểm thu, phương thức thu học phí phù hợp với thực tế.

Điều 4. Quy định về khu vực

1. Khu vực thành thị bao gồm các phường thuộc thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An và thị xã Điện Bàn; các tổ dân phố thuộc thị trấn của các huyện đồng bằng.

2. Khu vực nông thôn bao gồm các xã thuộc thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và các huyện đồng bằng; các tổ dân phố thuộc thị trấn của các huyện miền núi.

3. Khu vực miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo: bao gồm các thôn, xã miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ học phí

Ngân sách tỉnh hỗ trợ phần chênh lệch giữa mức thu học phí năm học 2023 - 2024 với mức thu học phí năm học 2021 - 2022 cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và cấp bù kinh phí cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Khi các văn bản quy định về địa bàn, khu vực áp dụng mức học phí tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Trung ương có thay đổi các quy định liên quan về mức thu, chính sách miễn giảm học phí, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp ...tháng ...tháng năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban CTĐB - UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;

CHỦ TỊCH

- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT,...

Phụ lục
MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022)

Số thứ tự	Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Miền núi
1	Mầm non	300.000	100.000	50.000
2	Tiểu học	300.000	100.000	50.000
3	THCS	300.000	100.000	50.000
4	THPT	300.000	200.000	100.000